TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VIỆT YÊN** **TỈNH BẮC GIANG** Bản án số: 24/2019/HNGĐ-ST Ngày 30 /7 /2019 V/v Ly hôn, con chung	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VIỆT YÊN, TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hải Vinh
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà Nguyễn Thị Lại
2. Ông Đỗ Văn Ngôn

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Minh – Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang tham gia phiên toà: Bà Lê Thị Huyền -Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 7 năm 2019, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 97/2019/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 03 năm 2019 về tranh chấp Hôn nhân gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 27/2019/QĐXX-ST ngày 09 tháng 7 năm 2019 giữa các đương sự:

-Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1984 (có mặt).

HKTT: Thôn Đ, xã Q, huyện V, tỉnh B.

Nơi ở: Thôn K, xã T, huyện K, tỉnh H.

-Bị đơn: Anh Trần Văn H, sinh năm 1979 (có đơn xin xét xử vắng mặt).

TQ: Thôn Đ, xã Q, huyện V, tỉnh B.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn xin ly hôn, bản tự khai và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay thể hiện nội dung vụ án như sau:

Chị Nguyễn Thị L trình bày: Tôi có xây dựng gia đình với anh Trần Văn H vào ngày 08/8/2008 (âm lịch) trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Q. Cưới xong tôi có về gia đình chồng làm dâu ngay và ở chung cùng gia đình. Sau ngày cưới cuộc sống vợ chồng hòa thuận khoảng ba năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do hai vợ chồng bất đồng quan điểm sống, anh H đi lái xe hàng tháng mới về nhà một lần, vợ chồng ít khi nói chuyện với nhau và đã sống ly thân từ tháng 6/2017 cho đến nay. Sau đó hai bên gia đình hòa giải nhưng không

ai nhường nhịn ai. Nay tôi xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi ly hôn anh H.

+Về con chung : Vợ chồng có hai con chung là Trần Thị Ngọc B, sinh ngày 13/6/2009; Trần Thị Bích Đ, sinh ngày 23/5/2011. Hiện nay hai cháu đang ở với tôi. Nguyện vọng của tôi là được nuôi cả hai con chung và không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung.

Tại bản tự khai anh Trần Văn H trình bày: Vợ chồng xây dựng gia đình trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Q. Sau khi tổ chức hôn lễ vợ chồng chung sống đến tháng 8/2018 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do chuyện tình cảm. Hai bên đã được hòa giải, nhưng nay xác định tình cảm vợ chồng không còn đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn.

Con chung: Vợ chồng có hai con chung như chị L trình bầy là đúng. Ly hôn mỗi bên nuôi một cháu và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

Tại phiên tòa hôm nay chị L giữ nguyên yêu cầu được ly hôn anh H và nhận nuôi con chung của vợ chồng không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh H vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn xin hòa giải và xét xử vắng mặt và đồng ý quan điểm xin ly hôn và giao cho Chị L được nuôi dưỡng và chăm sóc hai con chung.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V tham gia phiên tòa phát biểu quá trình tiến hành tố tụng, xét xử vụ án, Tòa án và Hội đồng xét xử thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, người tham gia tố tụng. Nguyên đơn chị L thực hiện đúng theo quy định của BLTTDS, bị đơn anh H thực hiện đúng các quyền theo quy định của BLTTDS.

+Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị L được ly hôn anh Trần Văn H .

+Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị L nuôi dưỡng và chăm sóc hai cháu Trần Thị Ngọc B , sinh ngày 13/6/2009; Trần Thị Bích Đ , sinh ngày 23/5/2011. Anh H không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng: Chị Nguyễn Thị L có đơn đề nghị Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh B giải quyết việc hôn nhân của anh chị. Theo quy định tại điểm a khoản 1 điều 35 của BLTTDS thì vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Việt Yên.

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị L kết hôn với anh Trần Văn H vào ngày 08/8/2008 (âm lịch) trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Q là Hôn nhân hợp pháp. Sau ngày cưới cuộc sống vợ chồng hòa thuận đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do hai vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống, không hợp nhau, Hai gia đình đôi bên động viên hòa giải nhưng không kết quả. Chị L đã về gia đình bố mẹ đẻ ở và vợ chồng sống ly

thân từ năm 2017 cho đến nay. Nay chị L xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị L đề nghị được ly hôn, anh H đồng ý.

HĐXX xét thấy, trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án cũng như tại bản tự khai anh H và chị L đều xác định tình cảm vợ chồng không còn. Chị L xin ly hôn, anh H đồng ý. Do anh H có đơn xin hòa giải và xét xử vắng mặt nên cần áp dụng khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Xét tình cảm chị L , anh H không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Việc xin ly hôn và đồng ý ly hôn là tự nguyện. Do vậy cần xử cho chị Nguyễn Thị L được ly hôn anh Trần Văn H .

Về con chung: Chị L và anh H đều trình bày vợ chồng có hai con chung Trần Thị Ngọc B , sinh ngày 13/6/2009; Trần Thị Bích Đ , sinh ngày 23/5/2011. Hiện hai cháu đang ở với chị L , sau khi ly hôn chị L có nguyện vọng được nuôi hai con chung và không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con. Anh H đồng ý với ý kiến của chị L . HĐXX thấy đây là sự tự nguyện của các đương sự nên cần được chấp nhận.

Anh Trần Văn H được quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở anh H thực hiện quyền này.

Về án phí: Chị L phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Về quyền kháng cáo: Chị L và anh H được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 228; Điều 271 và Điều 273 - Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ khoản 1 Điều 51; các Điều 56; Điều 81; Điều 82 và Điều 83- Luật hôn nhân và gia đình, xử:

1-Về quan hệ vợ chồng: Xử cho chị Nguyễn Thị L được ly hôn anh Trần Văn H .

2-Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị L được nuôi dưỡng và chăm sóc hai con chung là Trần Thị Ngọc B , sinh ngày 13/6/2009; Trần Thị Bích Đ , sinh ngày 23/5/2011. Anh Trần văn H không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho chị Nguyễn Thị L .

Anh Trần Văn H được quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở anh H thực hiện quyền này.

3-Về án phí: Chị Nguyễn Thị L phải chịu 300.000đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Được trừ vào số tiền 300.000đồng chị L đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số AA/2012/05322 ngày 11/3/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện V. (Xác nhận chị L đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm).

Báo cho đương sự có mặt biết được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo tron hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án xét xử vắng mặt.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà

Nguyễn Hải Vinh

Nơi nhận:
-TAND tỉnh Bắc Giang
-VKSND tỉnh Bắc Giang
-VKSND huyện Việt Yên
-T.H.A huyện Việt Yên
- Các đ- ơng sự
-UBND xã Quang Châu
- L- u